

VIETNAM COMMODITY CONTROL & CERTIFICATION JOINT STOCK COMPANY

VCC&C

1G Dinh Bo Linh Street – Gia Dinh Ward – Ho Chi Minh City – Vietnam

Tel: 84.28.38271444/38271555 (6 lines) – Fax: 84.28.38271333

<http://www.vccc.com.vn> – Email: info@vccc.com.vn

----- 000 -----

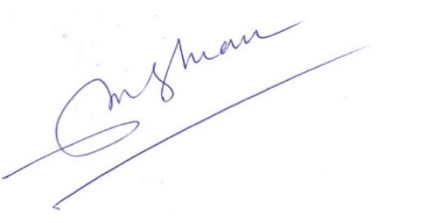


**PROCEDURE OF CONTROL AND USE OF
CERTIFICATION LOGO AND MARK**
QUY TRÌNH KIỂM SOÁT SỬ DỤNG LOGO VÀ DẤU CHỨNG NHẬN

(ISO/IEC 17065 - ISO/IEC 17021 - ISO/TS 22003)

Code (Mã Hóa): PM-23

Publish date (Ngày ban hành): 01/03/2026

Writer/Người viết	Reviewer/Người xem xét	Approver/Người phê duyệt
		
Phan Thị Mỹ Hòa	Lê Quang Bình	Lê Anh Tuấn

	PROCEDURE OF CONTROL AND USE OF CERTIFICATION LOGO AND MARK QUY TRÌNH KIỂM SOÁT SỬ DỤNG LOGO VÀ DẤU CHỨNG NHẬN	Code: PM-23
		Publish date: 01/03/2026
		Page: 2/15

THEO DÕI SỬA ĐỔI TÀI LIỆU
MONITORING OF DOCUMENT REVISION

No. Stt	Place Vị trí	Content of revision Nội dung sửa đổi	Date of revision Ngày sửa đổi
01	The third line of the cover page and Format form Dòng thứ ba của trang bìa và Biểu mẫu	Change the address from 1G Dinh Bo Linh Street – Ward 15 – Binh Thanh District – Ho Chi Minh City – Vietnam to 1G Dinh Bo Linh Street – Gia Dinh Ward – Ho Chi Minh City – Vietnam Thay địa chỉ từ 1G Đinh Bộ Lĩnh – Phường 15 – Quận Bình Thạnh – Thành phố Hồ Chí Minh – Việt Nam qua 1G Đinh Bộ Lĩnh – Phường Gia Định – Thành phố Hồ Chí Minh – Việt Nam	01/07/2025
02	5.2.1, 5.2.3, 6	Làm rõ quyền sử dụng dấu; bổ sung kiểm soát RA và hồ sơ phê duyệt theo mốc 01/03/2026. Clarify mark permissions; add RA controls and approval records as of 01/03/2026.	01/03/2026

	PROCEDURE OF CONTROL AND USE OF CERTIFICATION LOGO AND MARK QUY TRÌNH KIỂM SOÁT SỬ DỤNG LOGO VÀ DẤU CHỨNG NHẬN	Code: PM-23
		Publish date: 01/03/2026
		Page: 3/15

CONTENT		Page
NỘI DUNG		Trang
1.	Objective Mục đích	4
2.	Scope Phạm vi	4
3.	Content Nội dung	4
4	Description of VCC&C's certification mark and logo Mô tả biểu tượng chứng nhận và dấu hiệu chứng nhận	5
4.1	VCC&C logo Biểu tượng của tổ chức chứng nhận	5
4.2	VCC&C's certification mark Dấu hiệu chứng nhận	5
5	Control and use of certification mark and logo Kiểm soát sử dụng logo và dấu hiệu chứng nhận	7
5.1	Control Kiểm soát	7
5.2	Logo use Sử dụng	8
5.3	Actions for violation Xử lý vi phạm	12
6.	Additional controls for Rainforest Alliance trademarks and records Kiểm soát bổ sung đối với nhãn hiệu Rainforest Alliance và hồ sơ	13

	PROCEDURE OF CONTROL AND USE OF CERTIFICATION LOGO AND MARK		Code: PM-23
			Publish date: 01/03/2026
	QUY TRÌNH KIỂM SOÁT SỬ DỤNG LOGO VÀ DẤU CHỨNG NHẬN		Page: 4/15

1. Mục đích

Quy trình này quy định điều kiện, trách nhiệm và phương thức kiểm soát việc sử dụng logo của VCC&C, dấu chứng nhận do VCC&C cấp, giấy chứng nhận và các tuyên bố về tình trạng chứng nhận, nhằm bảo đảm phù hợp ISO/IEC 17065:2012 (điều 4.1.2.2, 4.1.3, 7.8, 7.11), ISO/IEC 17021-1:2015 (điều 8.2, 8.3), ISO/TS 22003-1 và yêu cầu của chủ sở hữu các chương trình chứng nhận áp dụng (Rainforest Alliance, 4C, VietGAP).

2. Phạm vi

Quy trình áp dụng cho nhân sự của Công ty cổ phần giám định và chứng nhận hàng hóa Việt Nam (VCC&C) liên quan đến hoạt động chứng nhận và cho mọi khách hàng được VCC&C chứng nhận (chứng nhận hệ thống quản lý và chứng nhận sản phẩm, quá trình, dịch vụ), trên mọi phương tiện: giấy chứng nhận, tài liệu, bao bì, trang thông tin điện tử, mạng xã hội, quảng cáo, biển hiệu và các phương tiện khác. Khách hàng chịu trách nhiệm bảo đảm các đơn vị thiết kế, in ấn, quảng cáo do mình thuê tuân thủ quy trình này.

3. Nội dung

VCC&C được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; các hoạt động chứng nhận của VCC&C được tổ chức công nhận đánh giá, công nhận theo các tiêu chuẩn quốc tế tương ứng trong phạm vi được công nhận.

Chứng nhận xác nhận đối tượng được chứng nhận đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn hoặc chương trình áp dụng trong phạm vi và thời hạn ghi trên giấy chứng nhận. Việc sử dụng logo, dấu chứng nhận chỉ có giá trị khi chứng nhận còn hiệu lực và không được dùng để suy diễn ngoài phạm vi chứng nhận.

Logo và dấu chứng nhận thuộc quyền sở hữu và kiểm soát của VCC&C. Khách hàng chỉ được sử dụng dấu chứng nhận do VCC&C cấp, theo phạm vi, mục đích và điều kiện đã xác định trong hợp đồng chứng

1 Objective

This procedure defines the conditions, responsibilities and controls for the use of the VCC&C logo, the certification marks issued by VCC&C, certificates and statements on certification status, in conformity with ISO/IEC 17065:2012 (clauses 4.1.2.2, 4.1.3, 7.8, 7.11), ISO/IEC 17021-1:2015 (clauses 8.2, 8.3), ISO/TS 22003-1 and the requirements of the owners of the applicable certification schemes (Rainforest Alliance, 4C, VietGAP).

2. Scope

This procedure applies to VCC&C personnel involved in certification and to all clients certified by VCC&C (management system certification and product, process or service certification), in all media: certificates, documents, packaging, websites, social media, advertising, signage and any other medium. Clients are responsible for ensuring that the design, printing and advertising agencies they engage comply with this procedure.

3. Content

VCC&C is established and operates in accordance with Vietnamese law; its certification activities are assessed and accredited by accreditation bodies against the relevant international standards within the accredited scope.

Certification confirms that the certified object meets the requirements of the applicable standard or scheme within the scope and validity stated on the certificate. Marks and the logo may be used only while certification is valid and shall not be used to imply anything beyond the certified scope.

The VCC&C logo and certification marks are owned and controlled by VCC&C. Clients may use only the certification mark issued by VCC&C, within the scope, purpose and conditions defined in the certification

	PROCEDURE OF CONTROL AND USE OF CERTIFICATION LOGO AND MARK QUY TRÌNH KIỂM SOÁT SỬ DỤNG LOGO VÀ DẤU CHỨNG NHẬN	Code: PM-23
		Publish date: 01/03/2026
		Page: 5/15

nhận và quy trình này; không được sử dụng riêng lẻ logo của VCC&C.

Dấu chứng nhận được cấp cho từng khách hàng theo mã số riêng và chỉ được sử dụng trong phạm vi được chứng nhận.

Việc sử dụng dấu chứng nhận là không bắt buộc. Khi đã sử dụng, khách hàng phải tuân thủ quy trình này.

VCC&C không cho phép sử dụng dấu, giấy chứng nhận hoặc tuyên bố chứng nhận theo cách gây hiểu lầm, lừa dối khách hàng hoặc làm ảnh hưởng đến uy tín của hoạt động chứng nhận.

4 Mô tả biểu tượng chứng nhận và dấu hiệu chứng nhận

4.1 Biểu tượng của tổ chức chứng nhận

Logo của công ty cổ phần giám định và chứng nhận hàng hóa Việt Nam (VCC&C) đã được đăng ký bảo hộ tại Cục Sở hữu trí tuệ, được trình bày như sau:



agreement and this procedure; the VCC&C logo shall not be used on its own.

The certification mark is issued to each client under its own code and may be used only within the certified scope.

Use of the certification mark is not compulsory. Where it is used, the client shall comply with this procedure.

VCC&C does not permit certification marks, certificates or certification statements to be used in a misleading or deceptive manner or in a way that damages the credibility of certification activities.

Description of VCC&C certification mark and logo

4.1 VCC&C's logo

The logo of VCC&C, registered with the Intellectual Property Office of Vietnam, is presented as follows:



4.2 Dấu hiệu chứng nhận:

Dấu hiệu chứng nhận gồm 2 phần, phần trên là logo của công ty cổ phần giám định và chứng nhận hàng hóa Việt Nam (VCC&C), phần dưới trong khung hình chữ nhật là tiêu chuẩn chứng nhận.

Dấu hiệu chứng nhận được trình bày như sau:

4.2 VCC&C's certification mark

VCC&C's certification mark includes 2 parts: upper part is VCC&C's logo and lower part inside the rectangle frame is reference to the certification standards.

Certification mark is, hereby, presented as follows:

	PROCEDURE OF CONTROL AND USE OF CERTIFICATION LOGO AND MARK QUY TRÌNH KIỂM SOÁT SỬ DỤNG LOGO VÀ DẤU CHỨNG NHẬN	Code: PM-23
		Publish date: 01/03/2026
		Page: 6/15



XXXXXXXXXXXXX
XXXXXXXXXXXXXXXXXXXX

Ví dụ: Chứng nhận theo Tiêu chuẩn nông nghiệp
bền vững Rainforest Alliance – Các yêu cầu canh
tác áp dụng cho cà phê



XXXXXXXXXXXXX
XXXXXXXXXXXXXXXXXXXX

For example: Certified according to Rainforest
Alliance Sustainable Standard – Farm requirements
for Coffee



**Chứng nhận theo
Tiêu chuẩn nông nghiệp bền vững Rainforest
Alliance – Các yêu cầu canh tác áp dụng cho cà
phê**

Ví dụ: Chứng nhận theo Tiêu chuẩn nông nghiệp
bền vững Rainforest Alliance – Các yêu cầu đối với
chuỗi cung ứng áp dụng cho chè



**Certified according to
Rainforest Alliance Sustainable Standard – Farm
Requirements for Coffee**

For example: Certified according to Rainforest
Alliance Sustainable Standard – Supply chain
requirements for Tea



**Chứng nhận theo
Tiêu chuẩn nông nghiệp bền vững Rainforest
Alliance – Các yêu cầu đối với chuỗi cung ứng áp
dụng cho chè**



**Certified according to
Rainforest Alliance Sustainable Standard –
Supply Chain Requirements for Tea**

	PROCEDURE OF CONTROL AND USE OF CERTIFICATION LOGO AND MARK QUY TRÌNH KIỂM SOÁT SỬ DỤNG LOGO VÀ DẤU CHỨNG NHẬN	Code: PM-23
		Publish date: 01/03/2026
		Page: 7/15

Ví dụ: Chứng nhận theo tiêu chuẩn ISO 22000 - Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm

For example: Certified according to ISO 22000 Food safety management systems



ISO 22000
Food Safety Management System



ISO 22000
Food Safety Management System

5. Kiểm soát sử dụng dấu hiệu và logo chứng nhận

5.1 Kiểm soát

Logo của VCC&C đã được đăng ký bảo hộ tại Cục Sở hữu trí tuệ. Mọi hành vi xâm phạm hoặc sử dụng trái phép logo bị xử lý theo quy định của VCC&C và pháp luật.

VCC&C cấp và quản lý thống nhất dấu chứng nhận cho khách hàng được chứng nhận; việc cấp, thay đổi, đình chỉ hoặc thu hồi dấu được ghi nhận trong hồ sơ khách hàng (mục 6.5).

Hợp đồng chứng nhận ràng buộc khách hàng tuân thủ quy trình này và các quy định của chủ sở hữu chương trình chứng nhận áp dụng (ISO/IEC 17065, điều 4.1.2.2).

Khi cấp chứng nhận, VCC&C cung cấp cho khách hàng các tài liệu sau:

- Dấu chứng nhận
- Quy định về việc sử dụng logo (của tiêu chuẩn hoặc chương trình được chứng nhận)
- Quy định về sử dụng dấu công nhận của tổ chức công nhận
- Quyết định chứng nhận

5. Control of using certification mark and logo

5.1 Control

The VCC&C logo is registered with the Intellectual Property Office of Vietnam. Any infringement or unauthorized use of the logo will be dealt with in accordance with VCC&C rules and the law.

VCC&C issues and centrally manages certification marks for certified clients; the issue, change, suspension or withdrawal of a mark is recorded in the client file (section 6.5).

The certification agreement binds the client to comply with this procedure and with the rules of the owner of the applicable certification scheme (ISO/IEC 17065, clause 4.1.2.2).

On granting certification, VCC&C provides the client with the following documents:

- Certification mark
- Regulations on the use of the logo (of the certified standard or scheme)
- Regulations on the use of the accreditation body's mark
- Certification decision

	PROCEDURE OF CONTROL AND USE OF CERTIFICATION LOGO AND MARK QUY TRÌNH KIỂM SOÁT SỬ DỤNG LOGO VÀ DẤU CHỨNG NHẬN	Code: PM-23
		Publish date: 01/03/2026
		Page: 8/15

– Chứng chỉ chứng nhận

– Quy trình kiểm soát sử dụng logo và dấu hiệu chứng nhận (PM-23)

– Certificate

– Procedure on control and use of certification mark and logo (PM-23)

5.2 Sử dụng

5.2.1 Yêu cầu chung

Chỉ VCC&C được sử dụng logo của mình trong tài liệu hệ thống quản lý chất lượng và hệ thống chứng nhận, giấy chứng nhận, ấn phẩm thông tin, danh mục khách hàng được chứng nhận, tờ rơi, quảng cáo, mẫu thư, trang thông tin điện tử, v.v.

Khách hàng được chứng nhận chỉ được sử dụng:

- Dấu chứng nhận do VCC&C cấp, đối với đúng tiêu chuẩn, đối tượng, địa điểm và thời hạn được chứng nhận.
- Biểu tượng của chương trình chứng nhận (Rainforest Alliance, 4C, VietGAP, v.v.) chỉ khi đáp ứng điều kiện của chương trình và có sự cho phép của chủ sở hữu.
- Dấu công nhận của tổ chức công nhận chỉ khi VCC&C cho phép, trong phạm vi được công nhận và đúng quy định của tổ chức công nhận đó.

Khi sử dụng dấu hiệu và logo chứng nhận, khách hàng phải:

- a) tuân thủ các yêu cầu của VCC&C khi tuyên bố về tình trạng chứng nhận trên internet, sách, tài liệu quảng cáo hoặc các phương tiện truyền thông khác;
- b) không đưa ra hoặc cho phép bất kỳ tuyên bố gây hiểu lầm nào liên quan đến chứng nhận;
- c) không sử dụng hoặc cho phép sử dụng giấy chứng nhận hay bất kỳ phần nào của giấy chứng nhận theo cách gây hiểu lầm;

5.2 Use

5.2.1 General requirements

Only VCC&C may use its logo in quality management system and certification system documents, certificates, information publications, lists of certified clients, brochures, advertisements, letterheads, websites, etc.

Certified clients may use only:

- The certification mark issued by VCC&C, for the standard, object, site and validity that are certified.
- A certification scheme mark (Rainforest Alliance, 4C, VietGAP, etc.) only when the scheme's eligibility requirements and the owner's authorization are satisfied.
- The accreditation body's mark only when permitted by VCC&C, within the accredited scope and in accordance with that accreditation body's rules.

In using the certification mark and logo, the client shall:

- a) conform to VCC&C's requirements when referring to its certification status on the internet, in brochures, advertising or other media;
- b) not make or permit any misleading statement regarding its certification;
- c) not use or permit the use of a certification document or any part of it in a misleading manner;

	PROCEDURE OF CONTROL AND USE OF CERTIFICATION LOGO AND MARK QUY TRÌNH KIỂM SOÁT SỬ DỤNG LOGO VÀ DẤU CHỨNG NHẬN	Code: PM-23
		Publish date: 01/03/2026
		Page: 9/15

- d) không ám chỉ chứng nhận áp dụng cho hoạt động, sản phẩm hoặc địa điểm nằm ngoài phạm vi chứng nhận;
- e) sửa đổi toàn bộ tài liệu quảng cáo khi phạm vi chứng nhận bị thu hẹp;
- f) khi chứng nhận bị đình chỉ, hủy bỏ hoặc chấm dứt, ngừng sử dụng mọi tài liệu quảng cáo có viện dẫn đến chứng nhận theo hướng dẫn của VCC&C;
- g) sử dụng đúng mẫu, tỷ lệ và màu sắc do VCC&C cấp; không sửa đổi, tách rời hoặc kết hợp với yếu tố khác làm sai lệch ý nghĩa của dấu;
- h) gửi VCC&C mẫu sử dụng dấu hoặc tuyên bố để xem xét trước khi công bố khi VCC&C hoặc chương trình áp dụng yêu cầu;
- i) thông báo kịp thời cho VCC&C các thay đổi ảnh hưởng đến chứng nhận (tên, địa chỉ, quyền sở hữu, phạm vi, địa điểm) và mọi phản ánh liên quan đến việc sử dụng dấu;
- j) không sử dụng chứng nhận theo cách làm tổn hại uy tín của VCC&C hoặc hệ thống chứng nhận và làm mất lòng tin của công chúng.

Khách hàng không được sử dụng dấu chứng nhận trong báo cáo hoặc giấy chứng nhận thử nghiệm, hiệu chuẩn, giám định.

Dấu chứng nhận có thể sử dụng trên:

- Tiêu đề thư, công văn giao dịch, tài liệu kỹ thuật, tài liệu đào tạo, tài liệu quảng cáo và tiếp thị, danh thiếp, chứng từ.
- Chương trình quảng cáo, quảng bá trên phương tiện thông tin đại chúng (phát thanh, truyền hình, báo chí, v.v.).
- Phương tiện giao thông, vận tải, bảng quảng cáo công cộng, v.v.

- d) not imply that certification applies to activities, products or sites outside the scope of certification;
- e) amend all advertising matter when the scope of certification is reduced;
- f) upon suspension, withdrawal or termination of certification, discontinue use of all advertising matter that refers to certification, as directed by VCC&C;
- g) use the mark in the design, proportions and colours issued by VCC&C, without altering it, separating its parts or combining it with other elements in a way that distorts its meaning;
- h) submit proposed mark uses or statements to VCC&C for review before publication where VCC&C or the applicable scheme requires;
- i) notify VCC&C without delay of changes affecting certification (name, address, ownership, scope, sites) and of any complaint concerning the use of the mark;
- j) not use certification in a manner that would bring VCC&C or the certification system into disrepute or lose public trust.

Clients shall not apply the certification mark to laboratory test, calibration or inspection reports or certificates.

The certification mark may be used on:

- Letterheads, official correspondence, technical documents, training materials, advertising and marketing materials, name cards, documents.
- Advertising and promotional programmes in the mass media (radio, television, newspapers, etc.).
- Means of transport, public advertising signs, etc.

	PROCEDURE OF CONTROL AND USE OF CERTIFICATION LOGO AND MARK QUY TRÌNH KIỂM SOÁT SỬ DỤNG LOGO VÀ DẤU CHỨNG NHẬN	Code: PM-23
		Publish date: 01/03/2026
		Page: 10/15

Việc sử dụng nêu trên chỉ được thực hiện khi phù hợp mục 5.2.2, 5.2.3 và các hạn chế riêng của chương trình chứng nhận (ví dụ mục 6.2 đối với Rainforest Alliance).

Dấu chứng nhận có thể phóng to, thu nhỏ phù hợp mục đích sử dụng nhưng phải giữ đúng tỷ lệ các kích thước.

Khách hàng không được chuyển nhượng giấy chứng nhận và dấu chứng nhận.

Khi khách hàng cung cấp bản sao tài liệu chứng nhận cho bên khác, tài liệu phải được sao chép đầy đủ.

Khách hàng phải ngừng sử dụng dấu chứng nhận ngay khi nhận thông báo bằng văn bản của VCC&C, hoặc trong thời hạn VCC&C nêu, trong các trường hợp:

- Giấy chứng nhận hết hiệu lực mà khách hàng chưa được chứng nhận lại.
- Chứng nhận bị hủy bỏ, thu hồi hoặc chấm dứt (kể cả khách hàng tự nguyện chấm dứt hợp đồng).
- Trong thời gian chứng nhận bị đình chỉ.
- Khi phạm vi chứng nhận bị thu hẹp: ngừng sử dụng đối với phần phạm vi không còn được chứng nhận.

Những đối tượng sau không được sử dụng dấu chứng nhận của VCC&C:

- Nhà thầu phụ của khách hàng được chứng nhận.
- Tổ chức đang nộp đơn xin chứng nhận và chưa được chứng nhận.

5.2.2 Yêu cầu riêng cho chứng nhận hệ thống quản lý

Khách hàng có hệ thống quản lý được chứng nhận (ví dụ ISO 22000) không được sử dụng dấu chứng

The above uses are permitted only where consistent with sections 5.2.2 and 5.2.3 and any scheme-specific restrictions (e.g. section 6.2 for Rainforest Alliance).

The certification mark may be enlarged or reduced according to the intended use, provided its proportions are kept unchanged.

Clients shall not transfer the certificate or the certification mark.

Where a client provides copies of certification documents to others, the documents shall be reproduced in their entirety.

The client shall stop using the certification mark immediately upon written notice from VCC&C, or within the period VCC&C specifies, in the following cases:

- The certificate has expired and certification has not been renewed.
- Certification is cancelled, withdrawn or terminated (including voluntary termination of the agreement by the client).
- During the period of suspension.
- Where the certified scope is reduced: for the part of the scope no longer certified.

The following shall not use the VCC&C certification mark:

- Subcontractors of certified clients.
- Organizations applying for certification that are not yet certified.

5.2.2 Specific requirements for management system certification

A client with a certified management system (e.g. ISO 22000) shall not use the certification mark or any

	PROCEDURE OF CONTROL AND USE OF CERTIFICATION LOGO AND MARK QUY TRÌNH KIỂM SOÁT SỬ DỤNG LOGO VÀ DẤU CHỨNG NHẬN	Code: PM-23
		Publish date: 01/03/2026
		Page: 11/15

nhận hoặc tuyên bố trên sản phẩm, bao bì sản phẩm, hoặc trong thông tin kèm theo, theo cách ám chỉ sản phẩm, quá trình hoặc dịch vụ được chứng nhận.

Tuyên bố về hệ thống quản lý được chứng nhận phải viện dẫn:

- nhận diện (tên hoặc nhãn hiệu) của khách hàng được chứng nhận;
- loại hệ thống quản lý (ví dụ chất lượng, an toàn thực phẩm) và tiêu chuẩn áp dụng;
- tổ chức chứng nhận ban hành chứng nhận (VCC&C).

5.2.3 Yêu cầu riêng cho chứng nhận sản phẩm và chương trình chứng nhận

Đối với chứng nhận sản phẩm, quá trình, dịch vụ và chứng nhận theo chương trình (Rainforest Alliance, 4C, VietGAP, v.v.), việc sử dụng dấu, nhãn hiệu hoặc tuyên bố phải đồng thời:

- phù hợp phạm vi và thời hạn chứng nhận (sản phẩm hoặc cây trồng, địa điểm, chuỗi cung ứng);
- tuân thủ quy định của chủ sở hữu chương trình;
- có sự cho phép hoặc phê duyệt của chủ sở hữu khi chương trình yêu cầu.

Đối với Rainforest Alliance, áp dụng thêm mục 6.

5.3 Xử lý vi phạm

VCC&C kiểm soát quyền sở hữu, việc sử dụng và hiển thị giấy chứng nhận, dấu chứng nhận và các cơ chế khác biểu thị tình trạng chứng nhận (ISO/IEC 17065, điều 4.1.3). Tham chiếu sai hoặc sử dụng gây hiểu lầm được xử lý theo các bước sau:

statement on a product, on product packaging or in accompanying information in a way that implies that the product, process or service is certified.

A statement on a certified management system shall refer to:

- the identification (e.g. brand or name) of the certified client;
- the type of management system (e.g. quality, food safety) and the applicable standard;
- the certification body issuing the certificate (VCC&C).

5.2.3 Specific requirements for product and scheme certification

For product, process, service and scheme certification (Rainforest Alliance, 4C, VietGAP, etc.), the use of marks, trademarks or statements shall at the same time:

- be consistent with the certified scope and validity (product or crop, site, supply chain);
- comply with the rules of the scheme owner;
- have the scheme owner's authorization or approval where the scheme requires it.

For Rainforest Alliance, section 6 also applies.

5.3 Actions for violation

VCC&C exercises control over the ownership, use and display of certificates, certification marks and other mechanisms indicating certification status (ISO/IEC 17065, clause 4.1.3). Incorrect references or misleading use are handled as follows:

	PROCEDURE OF CONTROL AND USE OF CERTIFICATION LOGO AND MARK QUY TRÌNH KIỂM SOÁT SỬ DỤNG LOGO VÀ DẤU CHỨNG NHẬN	Code: PM-23
		Publish date: 01/03/2026
		Page: 12/15

- a) Phát hiện: qua đánh giá và giám sát, phản ánh hoặc khiếu nại, thông tin từ chủ sở hữu chương trình, hoặc rà soát bao bì, trang thông tin điện tử và tài liệu quảng cáo.
- b) Ghi nhận và đánh giá: người phụ trách hồ sơ ghi nhận bằng chứng, xác định khách hàng, phạm vi, tình trạng chứng nhận và mức độ vi phạm.
- c) Yêu cầu khắc phục: Phòng Chứng nhận gửi văn bản yêu cầu khách hàng sửa hoặc ngừng sử dụng và thực hiện hành động khắc phục trong thời hạn VCC&C ấn định; trường hợp nghiêm trọng yêu cầu ngừng ngay.
- d) Xác nhận hoàn thành: VCC&C kiểm tra bằng chứng khắc phục (tài liệu đã sửa, hình ảnh, đường dẫn) và có thể kiểm tra tại chỗ hoặc trong kỳ đánh giá kế tiếp.
- e) Xử lý tiếp: nếu khách hàng không khắc phục, tái vi phạm hoặc vi phạm nghiêm trọng, VCC&C đình chỉ hoặc hủy bỏ chứng nhận theo quy định, thu hồi dấu, thông báo cho chủ sở hữu chương trình (ví dụ Rainforest Alliance), cập nhật tình trạng trong danh mục khách hàng được chứng nhận, công bố vi phạm và thực hiện hành động pháp lý khi cần thiết.
- f) Lưu hồ sơ và thông báo kết quả cho khách hàng; khách hàng có quyền khiếu nại, kháng nghị theo quy trình của VCC&C.

Khi chứng nhận bị hủy bỏ và dấu chứng nhận bị thu hồi, khách hàng phải gỡ bỏ dấu chứng nhận khỏi văn bản, tài liệu quảng cáo, internet, trang thông tin điện tử, v.v.

VCC&C thông báo việc hủy bỏ chứng nhận hoặc thu hồi dấu chứng nhận đối với khách hàng vi phạm.

- a) Detection: through audits and surveillance, complaints, information from the scheme owner, or review of packaging, websites and advertising.
- b) Recording and evaluation: the file owner records the evidence and identifies the client, scope, certification status and seriousness of the violation.
- c) Corrective action: the Certification Department issues a written request to amend or stop use and to take corrective action within a period set by VCC&C; serious cases require immediate cessation.
- d) Verification: VCC&C checks the evidence of correction (revised materials, photos, links) and may verify on site or at the next audit.
- e) Escalation: where the client fails to correct, repeats or commits a serious violation, VCC&C suspends or withdraws certification in accordance with its rules, withdraws the mark, informs the scheme owner (e.g. Rainforest Alliance), updates the status in the directory of certified clients, publishes the violation and takes legal action where necessary.
- f) Records and notification: the outcome is recorded and notified to the client; the client may complain or appeal in accordance with VCC&C procedures.

Where certification is withdrawn and the certification mark is revoked, the client shall remove the mark from documents, advertising materials, the internet, websites, etc.

VCC&C announces the withdrawal of certification or revocation of the mark for the client concerned.

	PROCEDURE OF CONTROL AND USE OF CERTIFICATION LOGO AND MARK QUY TRÌNH KIỂM SOÁT SỬ DỤNG LOGO VÀ DẤU CHỨNG NHẬN	Code: PM-23
		Publish date: 01/03/2026
		Page: 13/15

6. Kiểm soát bổ sung đối với nhãn hiệu Rainforest Alliance và hồ sơ

6.1 Điều kiện sử dụng nhãn hiệu và tuyên bố của Rainforest Alliance (RA)

Áp dụng Rainforest Alliance Labeling and Claims Policy (A-20-SRCL-B-SC) bản đang hiệu lực tại thời điểm sử dụng: v1.0 hiệu lực từ 01/03/2026; v1.1 hiệu lực từ 27/09/2026 thay thế v1.0.

Khách hàng muốn sử dụng nhãn hiệu hoặc tuyên bố của RA phải (Chính sách, mục 1.2):

- đăng ký trên nền tảng của RA với thông tin hồ sơ và phạm vi chính xác;
- có Thỏa thuận cấp phép (License Agreement 2020) hợp lệ, của chính mình hoặc với tư cách bên được cấp phép phụ;
- đạt chứng nhận khi áp dụng;
- được RA phê duyệt trên Claims Platform trước khi sử dụng công khai trên bất kỳ tài liệu nào.

Dấu SAS và RAS phải phù hợp phạm vi chứng nhận. Logo của tổ chức RA không được dùng thay cho dấu chứng nhận trên bao bì.

VCC&C kiểm tra bằng chứng đáp ứng điều kiện; quyết định chứng nhận của VCC&C không thay thế sự phê duyệt sử dụng nhãn hiệu của RA.

6.2 Hạn chế sử dụng và hiệu lực phê duyệt

- Dấu của RA không được sử dụng trên trang phục và phụ kiện, mẫu hóa đơn, phiếu giao hàng, tiêu đề thư, danh thiếp, chữ ký thư điện tử; trong các trường hợp này chỉ được dùng logo RA khi đã được phê duyệt (Chính sách, mục 4.3).
- Tài liệu đào tạo hoặc nội bộ có sử dụng nhãn hiệu RA cũng phải được gửi phê duyệt (Chính sách, mục 4.3).

6. Additional controls for Rainforest Alliance trademarks and records

6.1 Conditions for use of Rainforest Alliance (RA) trademarks and claims

The Rainforest Alliance Labeling and Claims Policy (A-20-SRCL-B-SC) in force at the time of use applies: v1.0 effective 01/03/2026; v1.1 effective 27/09/2026, replacing v1.0.

A client wishing to use RA trademarks or claims shall (Policy, section 1.2):

- register on the RA platform with accurate profile and scope information;
- hold a valid License Agreement 2020, either its own or as a sublicensee;
- achieve certification, where applicable;
- obtain RA approval via the Claims Platform before any public use on any material.

SAS and RAS seals shall match the certification scope. The RA corporate logo shall not replace a certification seal on packaging.

VCC&C checks the supporting evidence; its certification decision does not replace RA trademark approval.

6.2 Use restrictions and approval validity

- RA seals shall not be used on apparel and accessories, invoice templates, delivery notes, letterheads, business cards or email signatures; in these cases only the RA logo may be used, once approved (Policy, section 4.3).
- Training or internal materials that use RA trademarks must also be submitted for approval (Policy, section 4.3).

	PROCEDURE OF CONTROL AND USE OF CERTIFICATION LOGO AND MARK QUY TRÌNH KIỂM SOÁT SỬ DỤNG LOGO VÀ DẤU CHỨNG NHẬN	Code: PM-23
		Publish date: 01/03/2026
		Page: 14/15

- Phê duyệt có hiệu lực hai năm hoặc đến khi tuyên bố không còn đúng; thay đổi thiết kế hoặc nội dung phải gửi phê duyệt lại (Chính sách, mục 6.3, 6.4); mọi phiên bản ngôn ngữ của tài liệu công khai đều phải được phê duyệt (mục 6.1).

- Approval is valid for two years or until the claim is no longer true; changes to design or text require resubmission (Policy, sections 6.3, 6.4); every language version of public-facing material must be approved (section 6.1).

6.3 Trách nhiệm và kiểm tra

Phòng Chứng nhận tiếp nhận mẫu sử dụng dấu, xác định khách hàng, phạm vi, tình trạng chứng nhận và chủ sở hữu dấu. Người phụ trách hồ sơ kiểm tra tính thống nhất giữa mẫu, giấy chứng nhận và bằng chứng cho phép; ghi nhận kết quả trước khi thông báo cho khách hàng.

Trong đánh giá, chuyên gia đánh giá kiểm tra bằng chứng về hiệu lực của tuyên bố và sự phê duyệt của RA theo tiêu chí tiêu chuẩn áp dụng (Chính sách, mục 7.1) và kiểm tra bao bì, trang thông tin điện tử, tài liệu quảng cáo liên quan; ghi nhận bằng chứng, sai lệch và chuyển cho người phụ trách xử lý. Quy định tương tự áp dụng khi xem xét phản ánh.

6.3 Responsibilities and checks

The Certification Department receives proposed mark uses and identifies the client, scope, certification status and mark owner. The file owner checks consistency between the design, the certificate and the authorization evidence, and records the result before notifying the client.

During audits, the auditor checks the evidence of validity of claims and RA approvals against the applicable standard criteria (Policy, section 7.1) and reviews relevant packaging, websites and advertising, records evidence and discrepancies, and refers findings to the responsible officer. The same applies when following up complaints.

6.4 Thay đổi, vi phạm và phối hợp với RA

Khi phạm vi hoặc tình trạng chứng nhận thay đổi, Phòng Chứng nhận xác định các dấu và tuyên bố bị ảnh hưởng, gửi yêu cầu sửa hoặc ngừng sử dụng bằng văn bản và theo dõi bằng chứng hoàn thành theo mục 5.3.

Khi chứng nhận bị đình chỉ, hủy bỏ hoặc chấm dứt, khách hàng phải ngay lập tức ngừng bán hoặc giao sản phẩm mang tuyên bố RA và gỡ bỏ mọi tên, logo, dấu, nhãn hiệu của RA khỏi sản phẩm (hoặc thu hồi sản phẩm nếu không thể gỡ), tài liệu, quảng cáo, tiếp thị, trang thông tin điện tử và các thông tin giữa doanh nghiệp (Chính sách, mục 7.2.1). Việc dỡ bỏ đình chỉ được xác nhận bởi VCC&C hoặc RA tùy theo rủi ro.

VCC&C phối hợp với RA theo thẩm quyền trong các trường hợp liên quan nhãn hiệu RA, kể cả việc

6.4 Changes, misuse and coordination with RA

When certification scope or status changes, the Certification Department identifies the affected marks and claims, issues written instructions to amend or stop use, and verifies completion under section 5.3.

When certification is suspended, cancelled or terminated, the client shall immediately cease to sell or ship products with an RA claim and remove all RA names, logos, marks and trademarks from products (or recall products where removal is not possible), documents, advertising, marketing, websites and business-to-business communications (Policy, section 7.2.1). Lifting of a suspension is verified by VCC&C or RA depending on risk.

VCC&C coordinates with RA within the applicable authority in cases involving RA trademarks, including

	PROCEDURE OF CONTROL AND USE OF CERTIFICATION LOGO AND MARK QUY TRÌNH KIỂM SOÁT SỬ DỤNG LOGO VÀ DẤU CHỨNG NHẬN	Code: PM-23
		Publish date: 01/03/2026
		Page: 15/15

chuyển thông tin về sử dụng trái phép hoặc vi phạm; RA có quyền thu hồi phê duyệt theo Thỏa thuận cấp phép.

6.5 Hồ sơ kiểm soát

Hồ sơ theo từng khách hàng gồm: mẫu sử dụng dấu hoặc tuyên bố; phạm vi và tình trạng chứng nhận; bằng chứng cho phép của chủ sở hữu; kết quả kiểm tra; trao đổi về sửa đổi, ngừng sử dụng và khắc phục. Mỗi bản lưu phải nhận diện được ngày, phiên bản và người xử lý. Lưu giữ theo PM-03 và yêu cầu của chương trình tương ứng.

6.6 Tài liệu viện dẫn

- ISO/IEC 17065:2012; ISO/IEC 17021-1:2015; ISO/TS 22003-1.
- Rainforest Alliance Labeling and Claims Policy, A-20-SRCL-B-SC, v1.1, hiệu lực 27/09/2026 (thay v1.0, hiệu lực 01/03/2026): <https://knowledge.rainforest-alliance.org/docs/labeling-and-claims-policy-v1-1>
- Rainforest Alliance Seal Graphic Guidelines: <https://www.rainforest-alliance.org/wp-content/uploads/2020/05/Rainforest-Alliance-Seal-Graphic-Guidelines.pdf>
- Guide to Rainforest Alliance Trademark Approvals: <https://www.rainforest-alliance.org/business/marketing-sustainability/get-approval-to-use-rainforest-alliance-seal/>

QM kiểm soát bản tài liệu viện dẫn theo PM-02, ghi rõ phiên bản và thời điểm áp dụng khi lưu.

passing on information about unauthorized use or violations; RA may revoke approvals in accordance with the License Agreement.

6.5 Control records

Each client file contains the proposed mark or claim, certification scope and status, owner authorization, review results, and correspondence concerning amendments, cessation and correction. Each retained version identifies its date, revision and responsible person. Retention follows PM-03 and the applicable scheme requirements.

6.6 References

- ISO/IEC 17065:2012; ISO/IEC 17021-1:2015; ISO/TS 22003-1.
- Rainforest Alliance Labeling and Claims Policy, A-20-SRCL-B-SC, v1.1, effective 27/09/2026 (replacing v1.0, effective 01/03/2026): <https://knowledge.rainforest-alliance.org/docs/labeling-and-claims-policy-v1-1>
- Rainforest Alliance Seal Graphic Guidelines: <https://www.rainforest-alliance.org/wp-content/uploads/2020/05/Rainforest-Alliance-Seal-Graphic-Guidelines.pdf>
- Guide to Rainforest Alliance Trademark Approvals: <https://www.rainforest-alliance.org/business/marketing-sustainability/get-approval-to-use-rainforest-alliance-seal/>

The QM controls reference copies under PM-02 and records their version and applicability date.